

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 419**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Minh Tuệ**

**Biên tập: Bình Minh**

**Thời gian: 18.05.2011**

**Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong**

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 527, hàng thứ 7 đếm từ dưới lên.

Tịnh tông thường nói đến nhất niệm, thập niệm, chỉ cho việc xưng niệm một tiếng, mười tiếng danh hiệu Phật của những người phạm phu. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ của ngài Nghĩa Tịch nói: Niệm ở đây, tức là Nam mô A di đà Phật. Sáu chữ gọi là một niệm, là nói tụng niệm một danh hiệu Phật gọi là nhất niệm.

Vấn đề này ngài Hoàng Niệm Tổ đã nói với chúng ta. Trong tông Tịnh độ, bình thường chúng ta nói một niệm hay mười niệm, chỉ là nói việc niệm danh hiệu Phật A di đà. Niệm một tiếng gọi là nhất niệm, niệm mười tiếng gọi là mười niệm.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, pháp sư Nghĩa Tịch cũng đồng ý với cách nói như thế. “Thử” chỉ địa cầu chúng ta đang sống ở đây, đối với người tu tập pháp môn Tịnh độ, chữ “niệm” mọi người đều có cách giải thích, đó là “xưng Nam mô A di đà Phật”, xưng sáu chữ đó gọi là một niệm, đây cũng là cách chúng ta hay nói, niệm một danh hiệu Phật gọi là nhất niệm. Chúng ta nhớ lại đức Thế Tôn hỏi Bồ tát Di lặc, nói với Bồ tát Di lặc, cũng hỏi về việc nhất niệm, nhất niệm mà mọi người thường nói đến. Trong nhất niệm này có bao nhiêu niệm nhỏ? Đây là việc bình thường chúng ta không nghĩ đến, không những hỏi có bao nhiêu niệm nhỏ mà còn hỏi có bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức trong một niệm? Nói theo ngôn ngữ hiện đại, bao nhiêu tướng, đó là hiện tượng vật chất. Bao nhiêu thức, nói theo ngôn ngữ hiện nay là hiện tượng tinh thần. Ý nghĩa của việc đặt câu hỏi như thế là rất sâu sắc. Câu trả lời của Di lặc, kì thực, kiểu một câu hỏi một câu trả lời của chư Phật với Bồ tát là để dạy chúng ta, những câu hỏi như thế chúng ta không biết hỏi, đức Phật thay chúng ta đặt câu hỏi, Bồ tát Di lặc dạy rõ cho chúng ta, nói rằng một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trong một niệm có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một câu niệm Nam mô A di đà Phật của chúng ta mất một giây hay bao nhiêu? Không được một giây, một giây có thể khảy bao nhiêu lần? Tôi tin ít nhất có thể khảy được năm lần. Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm nhân với năm trăm ngàn là mười vạn. Một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Một giây thì sao? Có một ngàn sáu trăm triệu niệm. Niệm bình thường của chúng ta, tâm có niệm riêng của nó, niệm này rất thô, cứ chia nhỏ nó ra, một giây trôi qua, có một ngàn sáu

trăm triệu niệm, đây là những niệm nhỏ. Nhất niệm được nói đến trong giáo lý Đại thừa là chỉ vấn đề này. Nhất niệm nơi chúng ta đang nói đến ở đây là người phàm phu trong sinh hoạt hàng ngày gọi là “niệm trong tâm”. Niệm một danh hiệu Phật ra khỏi miệng là nhất niệm, chưa ra khỏi miệng, niệm vẫn còn trong lòng cũng là nhất niệm. Bồ tát Di lặc đã nói cho chúng ta, khoa học hiện tại nói, trong nhất niệm của tâm chúng ta đang niệm có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm. Ngày nay chúng ta lấy một giây là đơn vị, một giây, “niệm niệm hình thành”, “hình” là gì? Đó là tướng trong câu hỏi của Phật, có bao nhiêu tướng? Hiện tượng, hiện tượng vật chất, trong mỗi một niệm đều có hiện tượng vật chất, niệm niệm hình thành, tướng phần A lại da. “Hình giai hữu thức”, trong mỗi tướng phần đều có thức. Thức là gì? Kiến văn giác tri, thọ tướng hành thức đều có. Kiến văn giác tri đó là những yếu tố trong tự tánh, trong A lại da thì không gọi là kiến văn giác tri nữa mà gọi là thọ tướng hành thức. Thấy sắc, sắc đó là vật chất, sắc thọ tướng hành thức sẽ biến thành gì? Tinh thần và vật chất dung hợp thành một thể, không thể tách rời được. Vật chất từ đâu mà có? Hiện tượng vật chất đó là ý niệm. Quý vị thấy niệm niệm hình thành, niệm là nền tảng của tinh thần và vật chất, cả hai hiện tượng vật chất và tinh thần đều xuất phát từ ý niệm. Ý niệm này, niệm là gì? Giới khoa học cho rằng tất cả những thứ này là năng lượng, họ cho rằng thọ tướng hành thức là tin tức, vật chất. Giới khoa học nói ba thứ: tin tức, năng lượng và vật chất. Nhà Phật nói nghiệp tướng, chuyển tướng và cảnh giới tướng trong A lại da. Có cả ba trong một niệm, hoàn thành trong một niệm. Vấn đề này đã được các nhà Vật lý cận đại phát hiện, những báo cáo của họ hoàn toàn giống với tam tế tướng trong A lại da của nhà Phật. Khi ý niệm có mặt chúng ta mới thấy được hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất và hiện tượng tự nhiên. Vạn vật trong vũ trụ cùng với những hoạt động của bản thân chúng ta. Nếu như nhất niệm này gián đoạn thì vũ trụ này sẽ không còn. Vì thế Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó không có thật. Bất quá ý niệm này chỉ là tướng tượng tục mà thôi. Thông thường chúng ta hay giải thích đó tướng giống nhau và tương tục, tuyệt đối không có hai hiện tượng hoàn toàn giống nhau, gọi là giống nhiều hơn khác, tướng giống nhau và tương tục. Vấn đề này chúng ta không thể không biết, niệm đó gọi là chân niệm, trong Đại thừa gọi là nhất niệm. Nhất niệm nói ở cõi này là nhất niệm của trong tâm có niệm mà đức Phật đã hỏi, niệm mà người phàm phu chúng ta đã khởi lên, niệm Phật A di đà cũng là nhất niệm, nhưng A di đà Phật có sáu chữ, nếu bỏ đi hai chữ nam mô để niệm bốn chữ còn lại cũng được, niệm nhanh, xem trong một giây có thể niệm xong hay không? A di đà Phật, cũng được. Một niệm như thế có đến một ngàn sáu trăm triệu.

Quán kinh nói: Hạ phẩm hạ sanh đó là cấp thấp nhất. Chí tâm như vậy, liên tục trong một hơi mà niệm được mười niệm Nam mô A di đà Phật, trực tiếp niệm A di đà Phật cũng được. Vì trong kinh Di đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy cho chúng ta “chấp trì danh hiệu”, danh hiệu là A di đà Phật, hai chữ nam mô, cả sáu chữ này đều là dịch âm tiếng Phạn. Nam mô có nghĩa là qui y, qui mạng, chỉ nghĩa thế thôi, nó không phải là danh hiệu. Vì thế, chấp trì danh hiệu bốn chữ còn lại là được.

Ngày xưa khi đại sư Liên trì còn tại thế, ngài là người sống năm Vạn lịch cuối đời nhà Minh, có người đến xin thỉnh giáo với ngài: Nên niệm Phật như thế nào? Ngài dạy nên niệm Nam mô A di đà Phật, một người khác hỏi ngài: Bản thân ngài có niệm không? Ngài đáp: Tôi niệm A Di Đà Phật. Vì sao dạy người khác niệm Nam mô mà bản thân mình lại không? Đại sư nói với mọi người: Tôi là người phát tâm, cuộc đời này quyết định sẽ sinh về Tịnh độ, gần gũi đức Phật A Di Đà, nên không khách sáo, nam mô là lời khách sáo. Sao lại dạy mọi người niệm nam mô? Họ chưa chắc đã muốn sinh về cõi Tịnh độ nên phải khách sáo một chút, cung kính một chút với Phật A Di Đà. Nam mô cũng có nghĩa là cung kính, lễ kính, cung kính với ngài một chút cũng có những điều hay. Thực tâm muốn vãng sanh thì không cần khách sáo. Câu chuyện này được kể trong Trúc Song Tuỳ Bút, chúng ta cần phải hiểu.

Ngày trước, đại sư Chương gia đã dạy tôi: Phật pháp nên chuộng mặt nội dung, đừng nên sa đà vào hình thức, không phải với ý này sao? Thực hành chín chắn, trọng thực chất, không chuộng bề ngoài. Làm lấy lệ, thường chuộng bề ngoài, thêm thắt nam mô đó là hình thức. Người thực hành một cách chân chính không cần thêm nam mô, chỉ niệm A Di Đà Phật là được, càng giản đơn càng tốt, ý nghĩa của bốn chữ này đã nói không cùng rồi! Bộ kinh này chúng ta cần mất hơn một ngàn giờ đồng hồ mới có thể nắm bắt được, chứ không phải chỉ phân tích một câu danh hiệu mà thôi, vì thế công đức danh hiệu không thể nói hết.

Xung danh Phật trong từng niệm niệm nên có thể trừ hết tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Trong kinh Đại thừa đã nói như thế, có phải hơi quá không? Niệm một câu A Di Đà Phật mà có thể trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi tôi mới học Phật, có một thầy giáo ở đại học Đài loan, chúng tôi rất thân với nhau, sau này ông ấy không dạy học nữa mà chuyển sang kinh doanh, mở tiệm bán sách, sách bán rất chạy, khảm khá hơn gấp nhiều lần so với thu nhập của việc dạy học. Tiên sinh Nghiêm Nhất Bình là một người khá nổi tiếng tại Đài loan, ông dạy khảo cổ học, là học trò của Đồng Tác Tân. Thấy tôi học Phật, ông nói với tôi: Phật rất giỏi nói khoác, giỏi nói phóng đại, có thể tin được không? Như câu nói trên đây thì ông ấy không thể tin được, không thể tiếp thu được. Niệm một tiếng A Di Đà Phật mà có thể diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, thật quá dễ dàng. Nhưng với những người học Phật học đến sáu mươi năm như chúng ta thì đó là điều đúng, không phải giả dối. Tại sao tội nghiệp của chúng ta không tiêu hết được? Trong vô lượng đời kiếp đã qua, trải qua mỗi đời, chúng ta từ đâu đến đây? Con người không phải biến hoá từ loài vượn, không phải. Kinh Đại thừa đã cho chúng ta biết, sinh mạng của chúng ta đây với vũ trụ được sinh ra cùng một ngày. Trong tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ đời nhà Đường, cuốn sách này đã giảng rất rõ về sự khởi nguyên của vũ trụ, sự có mặt của con người, nguyên nhân sự có mặt của sự vật. Chúng ta từ đâu mà có? Sự có mặt của chúng ta. Trong kinh Đại thừa đức Phật thường dạy: Một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh ở đây là A lại da, là tam tế tướng, đây là khởi nguyên đồng thời của vạn vật trong

vũ trụ với chúng ta. Thời gian quá lâu, quá dài, trải qua đời kiếp mê hoặc, điên đảo, nhất là sau khi rơi vào luân hồi sáu đường không thoát ra được. Luân hồi là một mê cung, cứ mãi mù mịt trong đó thì mỗi niệm là một nghiệp. Như tôi đã nói, trong tâm chúng ta có niệm, nếu chia nhỏ niệm đó ra thì có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm nhỏ, tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, quý vị có thể hiểu vì sao không thể tiêu diệt. Song nếu dùng chân tâm để niệm thì một niệm là có thể tiêu tan, tại sao lại như thế? Có một thí dụ trong kinh Phật, giống như ngôi nhà tối trăm năm là thí dụ cho sự mê mờ trong vô lượng kiếp, đốt lên một ngọn đèn thì căn nhà liền sáng rực. Ngọn đèn kia thí dụ cho cái gì? Đó là chân tâm, là sự giác ngộ của quý vị. Khi đã giác ngộ rồi thì nghiệp chướng trong vô lượng kiếp sẽ được tiêu diệt, vì sao vậy? Vì nghiệp chướng là giả, không thật, nếu thật thì nó đã không mất. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta cần phải hiểu. Hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng giả, hiện tượng tự nhiên cũng giả nốt. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh mới là chân, mới gọi là chân như, trong đó không có giả. Vì thế giới khoa học, triết học đến cuối cùng cũng phải bó tay, vấn đề cuối cùng không thể giải quyết. Nguyên nhân ở đâu? Khoa học và triết học đều cần có hiện tượng, có đối tượng, họ mới giải quyết, nếu như không có đối tượng thì họ không còn biện pháp nào. Tự tánh chân tâm, nhà Phật gọi là Bản tánh chân như, đó không phải là hiện tượng vật chất, không phải là hiện tượng tinh thần, cũng chẳng phải hiện tượng tự nhiên, vì thế các nhà khoa học không thể lý giải được nó, chần chẫn là họ không thể khám phá, không thể xem xét, và cũng không thể suy tưởng được, kể cả dùng toán học cũng không thể tính toán được. Vấn đề này kinh điển dạy rất rõ ràng, khi tu chúng ta có thể hiểu được ngay. Làm sao để chứng được? Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều buông bỏ hết, thì nó sẽ hiện ra, sẽ chứng được. Cách làm rất đơn giản, song thực hiện thì không hề dễ. Không còn chấp trước đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, thực sự không nắm giữ, ý niệm về chấp trước cũng không có, trong Phật pháp gọi là chứng quả A la hán. Phật, Bồ tát, A la hán, đó là ba học vị trong Phật giáo. Phật là cấp cao nhất, tương đương học vị tiến sĩ, Bồ tát là cấp học thứ hai, học vị thạc sĩ. A la hán là cấp thứ ba, cấp cử nhân. Nếu quý vị có thể bỏ tâm chấp trước thì đã đạt đến học vị thứ nhất. Có thể không phân biệt, không phân biệt pháp thế gian hay xuất thế gian thì quý vị đã đạt đến học vị thứ hai- Bồ tát. Nếu có thể bước lên một bước nữa, không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là Phật. Thông thường có thể thật sự minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, tức là đã buông bỏ ba thứ chướng ngại, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, lúc đó mới có thể kiến tánh. Lúc đấy mới thấy rõ tận cùng chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đi trước các nhà khoa học, nhà triết học một bước. Các nhà khoa học, triết học không thể khám phá đến tận cùng, vì sao vậy? Vì họ không buông bỏ. Nếu giới khoa học, và triết học có thể buông bỏ khởi tâm động niệm thì họ cũng thành Phật, cũng chứng đắc. Vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo hoá 49 năm khi còn tại thế, ngài đã dạy những gì? Mục đích cuối cùng ta dạy chúng ta thấy được rõ ràng, thấu suốt, tướng chân thật của nhân sinh và vũ trụ, ngài đã dạy như thế. Thấu suốt, thông đạt, rõ ràng thì gọi là thành Phật, được gọi là Phật đà. Vì thế

ngài thực sự là người thầy dạy học, ngài không thành Thần, không thành Tiên, không can dự đến Thần tiên. Ngài dạy chúng ta đại triệt đại ngộ, nhận rõ chân tướng của nhân sinh, của vũ trụ. Vì thế việc tội nặng của tám mươi ức kiếp sinh tử được trừ diệt là câu chuyện có thật, không hề giả dối, Ngài nói không ngoa chút nào.

Khi lâm mạng chung, thấy hoa sen vàng, to như bánh xe, trong khoảng thời gian một niệm là sanh về thế giới Cực lạc. Mục tiêu của người niệm Phật không có gì khác ngoài việc muốn vãng sanh về thế giới Cực lạc. Vấn đề này giống như chuyện di dân của chúng ta ngày nay. Thế giới này quá khổ, tuổi thọ mọi người ngắn ngủi, học bài này phải cần rất nhiều thời gian, ít thời gian quá chúng ta làm không xong, chúng ta phải đổi đến môi trường tu học khác, chúng ta di dân đến thế giới Cực lạc ở phương Tây. Khi mạng chung ở thế giới này, mạng là mạng sống, thân thể, nên biết rằng linh tánh không thể mất đi, người đời gọi là linh hồn không mất. Linh hồn là của ta nhưng thân thể không phải của ta, trong Phật pháp không gọi là linh hồn mà gọi linh tánh. Tánh là chân, không sinh diệt. Linh tánh của chúng ta theo Phật A Di Đà đến thế giới Cực lạc. Khi lâm chung, chắc chắn Phật sẽ đến tiếp dẫn, vì thế không cần phải nghĩ cõi Cực lạc ở chỗ nào? Cách bao xa? Cũng không cần phải nghĩ, ngài sẽ đến dẫn quý vị đi. Nếu ngài không đến dẫn thì quý vị muốn đi cũng không đi được, chắc chắn sẽ không được vãng sanh. Vì vậy, vãng sanh đúng đắn là lúc lâm chung chắc chắn thấy Phật A Di Đà đến dắt dẫn, đến tiếp dẫn quý vị. Đây là hạ bồi vãng sanh, họ sẽ thấy hoa sen bằng vàng, lớn như bánh xe, là nói đến độ lớn nhỏ của hoa sen. Vì vậy họ thấy được mức độ lớn nhỏ thân thể của mình ngồi trong hoa sen đó. “Trong khoảng một niệm” đó là tốc độ rất nhanh, liền vãng sanh đến thế giới Cực lạc.

Như trên cho thấy, mười niệm tức mười tiếng, mười tiếng Phật hiệu. Mười niệm lúc lâm chung như thế, cho đến một niệm đều được vãng sanh. Vì thế người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc là đúng, thực sự thế giới Cực lạc có tứ độ, có tam bồi, có cửu phẩm, đây là nói đến các thứ lớp khi đến thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là một trường học do Phật A Di Đà sáng lập nên, hiệu trưởng cũng là Phật A Di Đà. Chúng ta lấy thí dụ như một ngôi trường, trường có giáo vụ trưởng đó là Bồ tát Quán Thế Âm, có người hướng đạo trưởng đó là Bồ tát Đại thế chí. Ở đó không có tổng vụ trưởng, không cần tổng vụ. Thế giới chúng ta đây cần, thế giới Cực lạc không cần, chỉ cần chừng đó bộ phận là đủ, đó là một ngôi trường. Song được sanh sang thế giới Cực lạc là một điều kì diệu, khi được sanh đến đó, thân thể, tướng mạo của chúng ta hoàn toàn giống Phật A Di Đà, hoàn toàn là bình đẳng, thọ mạng là vô lượng. Vì thế muốn học điều gì cũng không giới hạn về thời gian, có tuổi thọ. Ở thế giới đó có những vị thầy rất giỏi, có những người học trò tốt. Những vị giáo sư lên lớp bên cõi đó đó là chư Phật Như Lai trong mười phương, đều đến đó giảng dạy. Chư Phật Như lai đến thế giới Cực lạc giảng dạy với địa vị là giáo thọ, Bồ tát Đẳng giác là những người trợ giáo, quý vị xem có kì diệu không. Vì thế khi đến đó, làm gì có chuyện không thành Phật? Đến thế giới Cực lạc, mỗi người đều nhẹ nhàng, chắc chắn đạt đến học vị cao nhất- Phật đà. Vì thế chúng

ta muốn thành tựu trí huệ cứu cánh viên mãn, đức năng viên mãn, nói theo cách nói của chúng ta ngày nay, muốn được thành tựu khoa học rốt ráo viên mãn, triết học rốt ráo viên mãn, chỉ có đến thế giới Cực lạc, thì chắc chắn sẽ đạt đến viên mãn rốt ráo. Đi từ thế giới này, không khó, điều kiện rất dễ dàng.

Như Bành Tế Thanh nói, cư sĩ Bành là một người sống đời Càn long, triều Thanh, ông là một người rất thông minh, khoảng hai mươi hay chưa đến hai mươi tuổi đã đỗ tiến sĩ, đây là một học vị cao nhất trong chế độ khoa cử ngày xưa. Tuy thi đỗ nhưng ông không ra làm quan mà học Phật, cả đời ông không làm quan. Phụ thân của ông là một quan Thượng thư bộ Binh dưới triều Càn long, tương đương chức bộ trưởng Quốc phòng bây giờ, đó là một tay chân khá thân tín. Ông có những thành công rất ngoạn mục trong Phật pháp, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Ông trước tác rất nhiều, cuối đời ông chuyên tu Tịnh độ, ông là một người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc. Ông nói: Nếu thật sự hồi tâm, mỗi niệm đều niệm Phật, không ai là không vãng sanh, vì đó là bản nguyện của Phật. Thực sự hồi tâm là gì? Thực sự hồi tâm, không phải giả tạo, hồi tâm đó là buông bỏ tất cả trong thế giới này, làm người, sanh lên cõi trời, đều không muốn, đều buông bỏ hết, chỉ nghĩ đến thế giới Cực lạc, đến thân cận Phật A Di Đà. Chúng ta biết, thế giới Cực lạc ở phương Tây, đó là giảng đường, lớp học, muốn học lớp gì cũng được, Phật A Di Đà sẽ dạy cho quý vị, chư Phật Bồ tát sẽ dạy cho quý vị, còn có rất nhiều những vị Bồ tát Đẳng giác giúp đỡ quý vị học tập, họ đến để rèn luyện, giúp Phật dạy dỗ. Thực sự hồi tâm chuyển ý, mỗi niệm đều niệm Phật, nhất niệm này không có tạp niệm, thì không ai chẳng vãng sanh. Nguyên nhân gì vậy? Vì đó là bản nguyện của Phật A Di Đà. Phật đã từng phát nguyện như vậy, theo lời nguyện đó để tu học, nhất định ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị.

Trong Quán kinh nói làm chúng mười niệm được vãng sanh, giống hay khác với niệm của nhất niệm đã bàn ở phần trên? Có người đã đặt ra vấn đề này. Trong cuốn Sớ Sao, đại sư Liên trì đã nói rất rõ vấn đề này, có thể thấy nghi vấn này đã có mặt từ khá sớm, đại sư Liên trì chú giải A Di Đà Kinh, tức là tác phẩm Di Đà Kinh Sớ Sao, đây là tác phẩm người học kinh A Di Đà cần nghiên cứu. Đại sư hoàn toàn dùng giáo lý Hoa nghiêm để giải thích kinh Di Đà, nâng cao vị thế kinh A Di Đà, vì thế người xưa xưng tụng kinh Di Đà là tiêu bản Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, kinh Hoa nghiêm là đại bản kinh Vô Lượng Thọ. Địa vị của bản kinh được đánh giá rất cao.

Sớ Sao nói rằng: Nên biết rằng niệm một tiếng A Di Đà Phật có thể diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, là bởi nhất tâm. Hoàng Niệm Tổ nói: Lý luận của đại sư Liên trì thật thâm thúy, lối giải thích này rất đúng đắn, vì sao vậy? Lý nhất tâm. Lý nhất tâm là gì? Đó là quý vị dùng nhất tâm để niệm, không phải vọng tâm, nó có hiệu quả lớn như thế. Chúng ta có chân tâm không? Có, song chân tâm này không hiển lộ được, những thứ hiển lộ đều là vọng tâm. Vì sao chân tâm không hiển lộ được? Trong

kinh Hoa nghiêm, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: Vì chỉ dùng vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Một câu như vậy. Vì hiện tại ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, ngăn che chân tâm của quý vị nên chân tâm của quý vị không hiển lộ được. Nói cách khác, chúng ta có thể buông bỏ tâm phân biệt chấp trước thì chân tâm liền hiển lộ, hoàn toàn đúng, không sai chút nào. Chỉ cần ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đó là lý nhất tâm. Dùng tâm đó để niệm Phật thì sẽ đạt hiệu quả rất cao, có thể diệt tội, hết nghiệp chướng, lại còn tiêu trừ rất nhanh nữa. Vấn đề này nói thì dễ nhưng thực hiện rất khó. Người nào có thể buông bỏ? Chúng ta thấy đây, Phật Thích Ca Mâu Ni khi nhập định dưới cội Bồ đề là buông bỏ, vì thế ngài thành Phật, tại Trung quốc, đời nhà Đường, đại sư Huệ năng, tổ thứ sáu của Thiền tông, trong phương trượng của Ngũ tổ, nghe Ngũ tổ giảng kinh Kim Cang, đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, ngài liền buông bỏ, ngài minh tâm kiến tánh, thành Phật. Cảnh giới Lục tổ buông bỏ lúc đó hoàn toàn giống với việc buông bỏ của Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ đề. Nói cách khác, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Lục tổ cũng thành Phật. Thành Phật nhưng tại sao không hiện thân Phật? Đây không phải là việc của ngài mà là do căn cơ, giống như việc ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên dùng thân Phật để được độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Ở Ấn độ, cơ duyên này đã chín muồi, nên ngài dùng thân Phật. Còn ở Trung quốc thì sao? Ở Trung quốc không phải cơ duyên như thế, ở Trung quốc là nên dùng hình tượng Tỳ kheo để độ, nên đại sư Huệ năng dùng thân Tỳ kheo để thuyết pháp. Hình dáng bên ngoài không giống nhau nhưng bản chất bên trong hoàn toàn tương đồng, không hề sai biệt. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm, không động niệm, không khởi tâm, không động niệm là bình đẳng, nếu khởi tâm, động niệm là không bình đẳng. Phật Thích Ca Mâu Ni không khởi tâm động niệm, đại sư Huệ năng cũng không khởi tâm động niệm. Phật giáo truyền vào Trung quốc hai nghìn năm nay, thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm, không phải chỉ một mình đại sư Huệ năng, nhưng ngài là một người rất đặc biệt, tuổi còn quá trẻ, hai mươi bốn tuổi, lại chưa học một trường lớp nào, chưa đến giảng đường Phật học nào nghe qua một buổi pháp, chưa đến ngôi thiền một thời ở một thiền đường nào, thế mà ngài có thể khai ngộ, chỉ toàn nhờ vào việc buông bỏ, không một phương pháp nào khác. Kinh Hoa nghiêm giảng rất rõ ràng, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, liền thành Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, như Lục tổ Huệ năng. Buông bỏ năm, ba năm, buông bỏ bảy, tám năm, buông bỏ mười năm, hai mươi năm, chỉ cần buông bỏ thì cảnh giới sẽ bình đẳng, người sẽ nhiều. Trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên có đến một ngàn bảy trăm người, tất cả đều buông bỏ, không khác gì đại sư Huệ Năng. Nhưng đại sư Huệ Năng một lúc liền buông bỏ ngay, rất nhanh chóng, những người khác cần thực hiện trong nhiều năm, từ từ, mỗi lần buông một tí, cũng có thể buông bỏ hết được, nếu không buông hết, thì không được. Điều này trong Phật pháp gọi là đốn tu, đốn ngộ. Đại sư Huệ Năng là đốn ngộ, những người khác là tiệm ngộ. Mất năm ba năm để bước vào cảnh giới đó, mất bảy tám năm để bước vào cảnh giới đó, hai ba mươi năm để bước vào cảnh giới đó, điều này chúng ta chứng kiến trong lịch sử Phật giáo có rất nhiều. Trong thiên

tông, Ngũ Đẳng Hội Nguyên ghi nhận có một ngàn bảy trăm người, Cảnh Đức Truyền Đẳng Lục cũng ghi nhận rất nhiều. Nếu thêm giáo môn, giáo môn như Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, trong đó những người đạt đến đại khai viên giải, giống như mức độ minh tâm kiến tánh, nhất tâm bất loạn trong tông Tịnh độ, tên gọi khác nhau nhưng đều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tôi tin rằng hai ngàn năm trở lại đây, số người nhập vào cảnh giới đó chần chẫn không dừng lại ở con số ba ngàn, đó là một thành tựu của Phật giáo Đại thừa ở Trung quốc, vượt xa Ấn độ, Ấn độ không có được nhiều người như thế.

Phật giáo trên toàn thế giới, được truyền bá đến những nơi khác nhau cũng không có những thành tựu diệu kì như thế, nhưng chưa ai để tâm nghiên cứu đến sự thành tựu đó. Tại sao lại có nhiều người thành tựu như vậy? Nên ghi nhận sự góp công của nội hàm quá sâu sắc của văn hoá truyền thống xưa. Những quốc gia khác trên thế giới không có một nội hàm sâu sắc như thế. Vì Phật pháp là giáo dục, Phật pháp là sư đạo, sư đạo tất nhiên được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Từ điểm này, theo sự nghiên cứu của họ, chúng ta có lý do để tin tưởng. Từ xưa Trung quốc đã coi trọng việc dạy đạo hiếu, có hiếu với cha mẹ mới có thể tôn trọng thầy tổ. Tại sao trong nhiều đời trước, không nói đầu xa, hai đời trước chúng ta, một đời cha tôi, một đời ông nội tôi, chúng tôi không thể hơn được các vị ấy về vấn đề Hán học hay Nho học được, cha tôi không thể hơn ông nội tôi, chúng tôi cũng không thể sánh với lớp cha tôi. Nguyên nhân do đâu? Nó xuất phát từ nền tảng hiếu thân, họ tôn sư trọng đạo. Cầu học, bất luận là học thuật thế gian hay xuất thế, nếu không tôn trọng những môn quý vị đã học, thì không thể có lòng cung kính như thế, không có lòng tôn trọng thầy giáo thì không thể học tốt một môn học gì. Đặc biệt là tính thờ ơ xúc nổi, đó là một sự trở ngại rất lớn trong việc học hành, việc tu tập cũng không thể thành công trong pháp môn nào. Tâm tu tập cần phải thanh tịnh, phải bình tĩnh. Chúng ta xem xã hội ngày nay, học sinh trong các trường học ngày nay, ai cũng thờ ơ, xúc nổi, làm sao họ có thể nghe được những lời dạy của các bậc Thánh hiền? Vì thế những gì họ học được là tri thức, không khai được trí tuệ, không những họ không khai trí tuệ mà Tam muội họ cũng thể đạt đến. Trong kinh Phật, chúng ta lấy một thí dụ trong kinh Phật, học kinh Hoa nghiêm phải có tam muội Hoa nghiêm khi, tu Tịnh độ phải chứng niệm Phật tam muội. Tam muội là gì? Tam muội là tâm thanh tịnh, không có tạp niệm, giống như việc học của thế gian, quý vị học Luận ngữ phải có tam muội Luận ngữ khi, quý vị học Lễ kí phải có tam muội lễ kí, nó giống như thế, trước hết phải có tâm thanh tịnh thì trí tuệ mới khai mở được. Hiện tượng này bây giờ không có, những gì đạt được bây giờ toàn là tri thức, học sinh chạy theo việc học rộng nghe nhiều, họ không thể nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, họ không theo cách đó, mà học rộng nghe nhiều. Dựa vào đâu? Dựa vào trí nhớ, đọc nhiều, quan sát nhiều, nhớ nhiều, người xưa gọi đó là cách học ghi nhớ. Sách Lễ Kí nói rằng: Cách học ghi nhớ thì không đủ để làm thầy mọi người. Câu này nói rất nặng! Vì sao vậy? Cách học ghi nhớ đó là tri thức mà ta đang nói ở đây, đó không phải là trí huệ. Sau khi đã khai ngộ rồi là gì? Là trí huệ. Khai ngộ là một bộ kinh đã thông, hết thầy kinh đều thông,



biện pháp xưa vẫn tốt hơn. Quý vị muốn học rộng nghe nhiều, quý vị đừng hấp tấp, trước tiên phải giỏi một môn, giỏi một môn thì những môn khác đều giỏi. Không cần học rộng nhưng quý vị đã nghe nhiều, quý vị sẽ thông hiểu tất cả.

Những vị Thánh nhân thường xuất hiện ở phương Đông, phương Tây thường xuất hiện những học giả, không ra đời Thánh nhân. Thánh nhân khác học giả. Hiện tại chúng ta nói chuyện này với mọi người, không ai tin cả, họ cho rằng chúng ta đang nói chuyện viển vông. Phải làm sao? Cần phải có thí nghiệm, nhà khoa học muốn có thí nghiệm, dùng thí nghiệm để chứng minh, nếu thật sự có những người hiểu học đến thí nghiệm, học một môn, cần bao nhiêu thời gian? Mười năm, mười năm để học một thứ giống nhau. Sau mười năm, xem kết quả của nó thế nào? Nếu sau mười năm họ thật sự đã thông được một môn, những môn khác cũng có thể hiểu được, lúc đó họ chứng minh những thứ mình học không phải viển vông, đó là những thứ chân thật, không phải giả dối. Thật sự thông được một môn thì các môn khác đều thông. Có thể khiến người khác hồi tâm chuyển ý, công nhận những phương pháp cũ của cha ông, phương pháp cũ được sử dụng có hiệu quả ở Trung quốc cả hàng ngàn năm nay. Phương pháp mới chỉ được dùng độ mấy mươi năm, hơn một trăm năm, trong một trăm năm đó đã làm cho tư tưởng rối loạn như thế này đây, xã hội cũng loạn lạc, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Có thể khiến chúng ta không nỗ lực phấn tỉnh sao? Tại sao lại có hiện tượng này? Nguyên nhân ở đâu? Ngày nay thế giới này đang nhanh chóng đi đến việc một mất một còn, xã hội sẽ băng hoại, quả đất sẽ tan vỡ, huỷ diệt. Giới khoa học và triết học vẫn chưa có những biện pháp để bảo tồn nó. Nếu quý vị hỏi truyền thống xưa, truyền thống xưa có biện pháp. Nếu quý vị hỏi Phật, Phật có biện pháp. Quan trọng ở chỗ quý vị tin hay không, nếu tin, vấn đề có thể giải quyết được. Tôi có lý do để tin, tai nạn nếu nghiêm trọng lên thêm, có thể giới khoa học sẽ lên núi để tìm thần tiên. Vì sao vậy? Vì không còn cách nào khác, chỉ còn tìm thần tiên, bình thường cho thần tiên không linh, đến lúc đó muốn cũng đã muộn, không đường nào thoát. Trong lúc bí bách thì vấn đề mới có thể giải quyết được. Vì sao vậy? Then chốt tại chỗ này, hiện tại then chốt này rất ít được các nhà khoa học biết đến. Những nhà Vật lý lượng tử biết rằng, biết gì? biết rằng tâm niệm của con người có liên quan rất mật thiết với cả vũ trụ, nếu họ nắm chắc điểm này thì vấn đề rất dễ được giải quyết. Giống như vấn đề cá nhân, cơ thể con người không tốt, đang bệnh, cần dùng thuốc không? Không cần, bằng cách nào? Khi niệm chuyển thì cơ thể liền chuyển theo, trong thân thể quý vị có rất nhiều tế bào độc hại, liền được phục hồi như cũ, phục hồi như cũ là có sức khoẻ, không cần đến những thứ khác. Nếu không tin, chắc chắn quý vị sẽ phải nhờ đến thuốc, quý vị không cần đến thuốc, sẽ không thể giải quyết được vấn đề của mình, những người tin tưởng chắc chắn rất ít. Những người tin Phật rất nhiều, những người tin tưởng chắc chắn rất ít, những người tin tưởng chắc chắn sẽ giải quyết được vấn đề. Vốn chúng tôi cũng là những người không tin, sau rồi miễn cưỡng tin theo, đến lúc nào mới tin một cách chắc chắn? Học qua bốn, năm năm mới có niềm tin chắc chắn. Vì sao phải tin chắc chắn? Vấn đề này chúng ta phải làm sáng tỏ, rõ ràng, không phải giả dối, tôi mất năm mươi năm để có niềm tin chắc chắn,

quí vị chưa trải năm mươi năm, quí vị nói không thể có như vậy, tôi vẫn đồng ý, đúng, đúng như thế. Vì sao vậy? Vì công phu chưa đạt! Thực hiện mỗi ngày trong năm mươi năm, một ngày nóng, mười ngày lạnh, như thế không có tác dụng gì. Tôi học Phật sáu mươi năm, giảng kinh suốt năm mươi ba năm chưa ngưng nghỉ, ngày nào cũng đọc, càng đọc càng thấy vui, càng đọc càng thấu hiểu, tin một cách chắc chắn. Niềm tin có thể làm biến đổi ngoại cảnh.

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật đã làm một thí nghiệm với nước, xem báo cáo tôi có thể lý giải được, tôi hiểu được độ sâu sắc của vấn đề này, còn sâu sắc hơn tiền sĩ Giang Bồn, cách hiểu của ông ấy không giống tôi, vì thế những người đời xưa có một điều kiện cực kỳ ưu việt đó là được rèn luyện từ nhỏ, họ không nghi ngờ những điều các vị thánh hiền đời trước đã nói, họ có thể tin tưởng, họ không nghi ngờ thầy giáo, tin tưởng thầy giáo, nên có được những lợi ích lớn nhất. Những thanh niên đời nay không làm như thế, họ không tin thầy giáo của họ, không có niềm tin, nửa tin nửa ngờ bài học, hoàn toàn không tin tưởng những lời giáo huấn của cổ nhân, đó là vấn đề khó. Tuy chúng ta có làm thí nghiệm, thí nghiệm với một thôn nhỏ, hay một thị trấn nhỏ, có phải tất cả mọi người đều tin? Không phải. Một số người tin còn phần lớn không tin, quí vị biết rằng ngày nay việc dạy lời Thánh hiền gặp rất nhiều khó khăn! Pháp Phật nói độ chúng sanh cũng không phải dễ, những bậc cao tăng từ xưa đến nay, thời của các Ngài vẫn còn dễ, nếu các vị đó sống trong thời đại ngày nay, cũng khó. Vì vậy gây dựng một nền giáo dục, nền tảng giáo dục so với vấn đề gì cũng quan trọng. Người xưa làm giáo dục, những người nước ngoài cho đó là một việc làm mơ cũng không được. Song ngày nay bản thân người Trung quốc cũng đã lơ là, bản thân họ không hiểu, chỉ có những người học sách cô, nghiên cứu những ghi chép của người xưa. Nhưng người nước ngoài học lịch sử Trung quốc, thực sự tôi thấy được mấy người, không ai không khâm phục người Trung quốc. Một quốc gia to lớn như thế, đông dân khẩu như thế, mà mấy nghìn năm nay xã hội vẫn giữ được nền trị an, họ rất nề phục, làm sao có được như thế? Mới xây dựng chính quyền nhưng có ít nhất một trăm năm mươi năm đến hai trăm năm thái bình thịnh trị, thay đổi thể chế nhưng thời gian loạn lạc không nhiều. Một chính quyền mới được xây dựng, mất độ năm, sáu năm mà xã hội đã được ổn định, vì thế họ nghiên cứu xem yếu tố nào đã cấu thành điều này? Trên thực tế đó là do giáo dục. Giáo dục cái gì? Giáo dục gia đình. Vấn đề này người xuanói: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Gia đình phải dạy dỗ các thành viên cho tốt, mỗi người đều là người tốt, người tốt mới làm việc tốt, xã hội làm sao không ổn định? Thế giới làm sao không hoà bình? Đều dựa trên đạo lý này. Nhà nước khích lệ giáo dục gia đình, vì vậy những thành tựu của xã hội là dựa trên gia đình, bây giờ gia đình không có. Sau tám năm kháng chiến, người mất nhà không còn, đây là một tổn thất lớn nhất của Trung quốc, bởi gia đình Trung quốc từ xưa đến nay là một đại gia đình, không phải là một gia đình nhỏ. Một đại gia đình, gia đình bình thường có độ ba trăm người, số người đông như thế, một họ lớn có bảy, tám trăm người, nếu ít cũng có độ vài trăm người, năm thế hệ trong một gia đình. Một gia đình đông đúc như thế, nếu quản lý không tốt sẽ loạn ngay. Vì thế mỗi gia đình, quí

vị thấy có gia phả, vì thế nhà có từ đường, từ đường là nơi ghi nhớ ông bà. Người không quên được ông bà tổ tiên mới có thể hiếu thảo với cha mẹ, cẩn thận khi ông bà đã mất, để lại đức cho đời sau, không thể thờ ơ với những lời dạy như thế. Nếu quý vị muốn tất cả người thân trong gia đình mình, lúc nào con cháu cũng là những người tốt, từ đường là nơi dạy điều hiếu, đây là gốc rễ, nếu từ đường không dạy đạo hiếu, gốc rễ bị bật lên. Nếu không có gia phả thì nguồn gốc gia đình quý vị cũng không còn, một người biết truyền thống gia đình thì họ làm sao không yêu quý gia đình mình được! Tổ tiên chúng là ai? Tổ tiên chúng ta là Hoàng đế, truy gốc rễ, đó là Thần nông, Phục hi, quý vị có thể không yêu thương gia đình mình sao? Tính đến nay Phục Hi đã có mặt năm ngàn năm trăm năm, điều này cho thấy gia đình có truyền thống từ rất lâu, lòng yêu thương gia đình, yêu tổ quốc từ đó mà có, đó là mắt xích rất quan trọng trong việc giáo dục, sao lại có thể xem nhẹ? Xem xét một cách tỉ mỉ lịch sử cổ đại, thấy gia phả của mỗi cá nhân, chúng ta tin tưởng dân tộc Hán của Trung quốc đích thực là con cháu của Viêm Hoàng, là hậu duệ của Phục Hi, Thần nông. Hán tộc là con một nhà, lịch sử này có mặt rất hoàn chỉnh, cả thế giới không có một đất nước thứ hai, nên trân trọng, yêu quý. Trong một gia đình to lớn như vậy, chúng ta xem bản đồ, tuy đến nay không còn nữa nhưng tên gọi vẫn còn, xem bản đồ đại lục, trong nông thôn, đây là thôn Vương, kia là thôn Lý, đó chính là sự tụ họp, chữ “tập” là nhóm lại thành khối. Mọi người mới nhìn, đó là cái gì? Cả thôn ấy là một gia đình, vốn là người cùng một nhà, nhà đông người như thế, một gia đình to lớn như thế, tất nhiên nó không thể thiếu gia đạo, không thể không có phép tắc gia đình, qui tắc giữa những người trong gia đình gọi là gia qui, ngoài qui ước chung trong một gia đình còn một số qui ước khác nhau, có một trăm mười ba điều qui ước cho anh em con cái, đây là qui ước chung của gia đình, mỗi gia đình cần học tập, vì thế họ có qui ước gia đình, có việc học tập của gia đình, có sự nghiệp gia đình, đây là sự nghiệp, việc làm của mỗi gia đình, vì thế trải qua mỗi đời kiếp mọi người đều dạy dỗ những người đi sau kế tục gia đạo, giữ gìn gia qui, tiếp nối việc học tập, kế thừa nghiệp nhà, mỗi gia đình đều tốt đẹp, đều chính đôn, thì xã hội an ổn, thế giới hoà bình. Vì thế ngày xưa, vì sao người dân thích thú với việc học tập? Vì sau khi học xong họ sẽ được bổ làm quan. Vì sao phải làm quan? Vì đó là công việc sung sướng nhất, nhàn nhã nhất, địa vị lại cao, được đãi ngộ, ít lao động chân tay. Là bởi mọi người ai cũng đường hoàng, mọi việc đều tốt đẹp nên việc quan rất nhẹ nhàng. Trong ba trăm sáu mươi nghề nghiệp thì làm quan là nghề sung sướng nhất. Quý vị xem bộ Tứ Khố Toàn Thư, một nửa số tác phẩm trong đó là thơ, từ, văn của những người làm quan viết ra. Vì sao vậy? Vì không có việc làm rồi thăm thú núi sông. Mỗi tháng chỉ xử một vài vụ án là nhiều. Công việc, nghề nghiệp trong xã hội ngày nay, vất vả nhất là công chức, công chức bây giờ rất khổ, bây giờ đi xuất gia là giống làm quan ngày xưa, rồi việc, học những môn mình thích, làm những việc mình muốn, không có áp lực, thoải mái! Ngày xưa người làm quan mới hưởng thụ được như thế, vì thế làm quan là người đó có cơ hội để học tập, không việc làm, học tập. Quý vị xem những ông quan ngày xưa đã để lại bao nhiêu tác phẩm! Những vấn đề này chúng tỏ là họ không có việc làm, nên mới để tâm vào

việc viết lách, họ không rời khỏi cuốn sách. Vì thế gia đình rất quan trọng, Trung quốc bây giờ muốn giống như gia đình ngày xưa, tôi nghĩ không thể quay trở lại được. Vì thế tôi mong muốn các xí nghiệp hiện nay, khôi phục lại tinh thần gia đình truyền thống Trung quốc, mới có thể cứu vãn được Trung quốc, mới có thể có một Trung quốc phát triển như hàng nghìn năm trước, xí nghiệp tiếp nối gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp của truyền thống Trung quốc. Trong quá khứ, gia đình người Trung quốc là mối quan hệ huyết thống, hiện nay việc làm của xí nghiệp là đạo nghĩa, là quan hệ nhân nghĩa trong giáo lý nhà Nho, cũng có thể làm được. Trong xí nghiệp của quý vị cũng có qui định, có lễ phép, có qui tắc. Qui tắc chính là nền tảng của luân lý. Đạo lý đó là phục vụ cho xã hội, phục vụ cho nhân dân, bất luận làm công việc gì. Công việc của tôi cũng phục vụ cho xã hội, giúp ích cho mọi người, không đặt lợi ích của mình lên trên, mà lấy việc phụng sự làm trọng. Những người làm công nhân đây cũng là những người thân yêu ruột thịt của ta, cần phải đối xử với họ thật tốt, cần phải dạy dỗ họ, họ giúp ta làm việc giúp, quý vị phải dạy dỗ họ, nêu cao đức hạnh của họ, coi trọng năng lực làm việc, nâng cao cảnh giới của họ, cần quan tâm đến họ, gia đình họ, họ còn cha mẹ. Vì vậy xí nghiệp, nên xây nhà dưỡng lão, nhà hưu trí. Nhà dưỡng lão để ai ở? Những công nhân lớn tuổi, thường xuyên chăm sóc họ, vì họ đã đem hết sức mình ra để thay thế quý vị phục vụ. Chúng ta cũng xây những trường học cho con em, trường cho con em những người làm công nhân, nếu quý vị chăm sóc được như thế thì suốt đời họ cũng không rời quý vị, họ sẽ coi công ti của quý vị như gia nghiệp của họ, đó là một thành công. Nếu xã hội Trung quốc theo đuổi mô hình này thì thời thái bình thịnh trị của hai nghìn năm trước sẽ hiện diện. Ông chủ doanh nghiệp là người đứng đầu một gia đình lớn, cần được tôn trọng, mọi người phải nghe theo, quản lý mọi người bằng đạo đức, luân lý, nếu cả quốc gia đều triển khai mô hình này thì người công chức sẽ sung sướng, không bị áp lực bởi công việc nữa, không còn nhiều những vụ án xảy ra, vì vậy nhà nước nên tiến hành. Thành tựu của Trung quốc trước đây không gì khác ngoài có những mô hình gia đình quá hoàn hảo! Có thể nói bảy, tám mươi phần trăm gia đình đã đóng góp vào việc ổn định quốc gia này. Ngày nay làm, làm với một phương pháp khác, vẫn có thể làm được.

Ở đây chúng ta nói về nhất tâm, đại sư Liên Trì đã nói về lý nhất tâm, đây là vấn đề rất quan trọng, nếu chúng ta vận dụng lý nhất tâm trong cuộc sống, dùng lý nhất tâm để kinh doanh sự nghiệp, thì đó là việc làm của Bồ tát, sự nghiệp của Bồ tát. Trong buôn bán có Bồ tát giám đốc, ở nhà thì có Bồ tát của gia đình, có thể giống nhau không? Khác nhau đấy. Chúng tôi kì vọng vào những người trẻ, nên thấy rõ vấn đề này, thâm nhập kinh tạng, Phật hoá nhân gian, Phật hoá thế giới, làm cho thế giới này không khác cõi Cực lạc.

Tiếp theo chúng ta nói đến câu “có người thối mắc”, một số người nghi ngờ “Tôi đã có trong nhiều kiếp”, nghiệp chướng tạo ra trong nhiều đời nhiều kiếp đến nay, “nghiệp chướng sâu nặng, cần sám hối nhiều”, sám ma tức sám hối, “tích chứa công

đức, có thể tiêu trừ”, tức tiêu trừ nghiệp chướng, đây là lối đi phổ thông nhất, được mọi người tin tưởng. Nghiệp chướng nặng, mỗi ngày anh cần sám hối, siêng năng sám hối, từ từ tích chứa công đức mới tiêu trừ tội lỗi, tai nạn, vấn đề này mọi người nên tin tưởng. Bây giờ nói đến đoạn “niệm Phật một tiếng, diệt được tội nhiều kiếp”, có vẻ nhân quả nhỏ nhưng quả lại hơi lớn, “vì thế khó tin”, nghe đến đoạn này, quý vị nghi ngờ không? Một tiếng niệm Phật mà diệt được nhiều tội như thế, vì vậy đại sư Liên trì nói rất rõ “nay gọi chí tâm tức nhất tâm” Nhất tâm ở đây là gì? Đó là chân tâm, lý nhất tâm, một niệm có thể tiêu tội. Quý vị xem đại sư Huệ năng, nghe giảng kinh trong phương trượng của Ngũ tổ, tội tính chắc chưa đến hai giờ đồng hồ, làm sao Ngài minh tâm kiến tánh, thành Phật? Thành Phật là gì? Là tiêu trừ tất cả tội chướng trong vô lượng kiếp, có ai mang tội chướng trong mình để thành Phật không, làm gì có chuyện đó. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mà còn mang tội chướng ư? Không còn, hoàn toàn sạch sẽ rồi. Ngài dùng tâm nào để nghe? Chí tâm. Ngài dùng chân tâm để nghe, hai tiếng đồng hồ mà có thể đại triệt đại ngộ, nếu dùng vọng tâm để nghe, quý vị nghe đến tám vạn đại kiếp cũng không giác ngộ, không đạt đến mức như thế. Vì sao vậy, vì lẫn nhiều tạp niệm, lẫn nhiều vọng tưởng, chân tâm tách khỏi niệm, chân tâm không có ý niệm. Chân tâm tức là không khởi tâm, không động niệm, tâm thanh tịnh, không vướng bụi, dùng tâm như vậy để niệm Phật thì thật đáng nể! Vì thế, một tiếng niệm Phật có thể diệt tội nặng vô lượng kiếp, xét về lý là đúng. Đối với vấn đề này chúng ta không nên hoài nghi. Vấn đề là ở chỗ chúng ta rèn luyện như thế nào để nhất tâm? Việc này không thể hấp tấp, nên thư thả, chúng ta không thể đón ngộ, mà phải từ tiệm tu. Trước hết làm được công phu thành phẩm, chúng ta có niềm tin là sẽ làm được. Sau khi công phu đã thành phẩm, ta tiếp tục nỗ lực vươn đến nhất tâm, sự nhất tâm được rồi ta mới vươn đến lý nhất tâm là thành công. Đây là cảnh giới mà đoạn kinh này nói đến. Khi đã đạt đến lý nhất tâm thì tội nghiệp trong vô lượng kiếp đều được tiêu trừ.

Tiếp theo chúng ta nói đến đoạn “tuy nhất tâm có thể tiêu trừ tội nghiệp, song năng lực vẫn còn yếu nên tội dễ phát sinh. Nhiều niệm nhưng chỉ diệt được rất ít tội nghiệp. Những người bình thường như chúng ta, niệm Phật chỉ giới hạn trong cảnh giới này. Sự nhất tâm, không chấp trước đối với tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, gọi là sự nhất tâm, chúng A la hán mới làm được. Vì thế tuy tội được diệt nhưng sức tu vẫn yếu. Nếu ta không chế ngự được thì tội chướng vẫn xuất hiện trở lại, không chế ngự được, tức là chúng ta nói ngăn không được những thứ mê hoặc, danh văn lợi dưỡng hiện tiền, tài sắc danh thực thù hiện tiền, có động tâm không? Thực sự có thể bất động thì tốt, làm sao có thể bất động? Quý vị phải nhìn thấu. Để biết được điều gì? Biết đó là giả dối, không thật có. Không có một pháp nào được lập trong tâm tự tánh thanh tịnh. Vì vậy giáo lý Đại thừa nói đến vấn đề này, không thể không thấu triệt cảnh giới, thực sự rõ ràng thấu triệt rồi, quý vị xem thế gian này không giống với cách nhìn của những người bình thường, những người bình thường cho mọi vật là thật, vì thế họ sinh tâm nắm giữ, chiếm lĩnh, can thiệp, đấy gọi là tạo nghiệp. Nhất là thân tình, lại càng không thể buông bỏ. Khi đã thực sự nhìn thấu, họ mới buông bỏ được, tùy duyên với mọi vật, đó là tùy duyên

diệu dụng. Không còn phân biệt, không còn chấp trước, không còn ý niệm can thiệp, không còn ý niệm chiếm hữu, thì tâm mới thanh tịnh, mới được tự tại. Niệm nhiều nhưng chỉ trừ ít tội, đây là việc làm của những người phạm phu bình thường.

Trong đoạn này đại sư Liên Trì nói về vấn đề chí tâm, chí tâm ở đây là thuộc lý nhất tâm, khi nhất tâm đã sáng tỏ, “lãng” là sáng tỏ, nhất tâm là trí huệ, nhất tâm là ánh sáng, “tất cả sai lầm đều mất hết”, những điều sai lầm này là gì? Là vọng tưởng, là nghiệp chướng, tích chứa từ vô lượng kiếp đến nay, đó là tích chứa sai lầm, liên biến mất, triệt tiêu hết. Giống như một ngôi nhà tối ngàn năm, đốt một ánh lửa mà bóng tối không mất đi u. Một khi đã đốt lửa thì bóng tối tự nhiên mất đi. Ngôi nhà tối ngàn năm được ví như sai lầm tích chứa lâu đời, tội chướng của quý vị nặng, nhiều, vì sao không giác ngộ được? Ở đây, ý nghĩa thật sự của nó, vì sao không dùng chân tâm mà lại dùng vọng tâm? Quý vị dùng vọng tâm, dùng vọng thì không thể tiêu diệt vọng, vọng không chế vọng thì rất khó khăn, chân tâm mới diệt vọng. Chân tâm, ta nên nhớ, trên đề kinh này là Thanh tịnh bình đẳng giác, đó là chân tâm, chân tâm là thanh tịnh, không ô nhiễm. Tâm phân biệt, chấp trước của chúng ta là ô nhiễm, tự tư tự lợi là ô nhiễm, danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, ngũ dục lục trần là ô nhiễm, tham, sân, si, mạn là ô nhiễm. Phải buông bỏ tất cả những thứ này, tự tại tùy duyên, thật sự trong cuộc sống hàng ngày được đại tự tại, là chân trí huệ, đại tự tại, thực sự là một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Không phải sung túc của cải, cũng không phải chức vụ cao sang, mà là gì? Là cuộc sống vui vẻ, cuộc sống nhàn hạ, không phiền não, không lo toan, không trói buộc, không áp lực, như thế mới gọi là hạnh phúc.

Tiếp theo là câu cuối cùng, đây là câu thiền thoại đầu nhà Phật, “xung nam mô Phật là đã thành Phật”, đây là câu trong kinh Pháp Hoa, đúng thế, không chỉ kinh Pháp Hoa mới có câu này, mà Kinh Pháp Hoa Tam Muội cũng nói: Những chúng sanh trong mười phương, nếu xung một tiếng nam mô Phật, họ sẽ thành Phật, duy chỉ Đại thừa, không hai cũng không ba. Nói còn rõ ràng hơn kinh Pháp Hoa nữa. Chúng sinh trong mười phương, không chỉ loại người nào, ai cũng có khả năng, chỉ cần ta niệm một tiếng Nam mô Phật, niệm nam mô A Di Đà Phật lại càng không thể nghĩ bàn, càng thù thắng. Vì sao vậy? Vì trong thức A lại da của quý vị đã có hạt giống Phật, khi đã có hạt giống Phật thì gặp duyên nó khởi hiện hàng, nhất định tương lai sẽ thành Phật, lý lẽ là ở đó. Hơn nữa, hạt giống Phật, đó là Đại thừa, nó không phải là nhị thừa, tam thừa. Nhị thừa là đại thừa và tiểu thừa, tam thừa là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Hạt giống đó đều không phải, hạt giống đó chính là Phật, tương lai chắc chắn sẽ làm Phật. “Hết thấy các pháp, các tướng, các pháp môn đều không sanh không diệt, là tất cánh không”. “Không sinh không diệt” là sinh diệt không ảnh hưởng đến được. “Tất cánh không” là không có hình tướng. Ý nghĩa hai câu này rất sâu sắc, nếu chúng ta thấu hiểu được cuộc đối thoại giữa Bồ tát Di lạc với Phật Thích Ca, thì chúng ta có thể nắm được, thực sự các pháp không sinh không diệt, quý vị muốn tìm sanh diệt cũng không tìm được, không có sanh diệt. Vậy tất cả các pháp có tồn tại hay không? Nói thật, cơ bản nó không tồn tại. Vì sao

ta cho rằng nó tồn tại? Là bởi ta cho rằng nó tồn tại, đó là quan niệm sai lầm của ta nên nó tồn tại. Nếu ta nhìn thấu nó thì nó không tồn tại. Hiện tượng này là thế nào? Chúng ta dùng điện ảnh làm thí dụ thì quý vị sẽ hiểu, bây giờ điện ảnh đã phát triển nên dùng kỹ thuật số, ngày trước là dùng phim nhựa, ở thời chúng tôi, dùng những thứ này vẫn là phim nhựa, đây là một đoạn phim, tôi đã dùng mấy năm, chơi với cái này. Chúng tôi đi chụp, chụp cuộn phim này, một giây chụp được hai mươi bốn tấm. Trong máy chiếu phim, một giây cũng phát được hai mươi bốn tấm, mỗi hình ảnh đều độc lập riêng, nhưng khi được chiếu lên màn ảnh quý vị sẽ thấy nó chuyển động, thật ra có sự chuyển động hay không? Không. Quý vị cho rằng nó chuyển động, nhưng thật ra nó không chuyển động, đây là thước phim, nhưng khi mở máy chiếu thì những đoạn phim này sẽ hiện lên màn ảnh, nó lướt rất nhanh, khi đóng máy lại chuyển sang một hình khác, hình thứ hai chiếu lên màn ảnh, đến hình thứ ba, một giây như thế có đến hai mươi bốn hình được chiếu lên, và nó đã đánh lừa thị giác chúng ta, mắt chúng ta cho rằng đó là thật. Thừa với quý vị, cơ bản là không chuyển động. Có người nói, nó chuyển động, sao lại nói không chuyển động? Họ không tin cuộn phim đó đứng yên. Khi đã hiểu rõ mọi chuyện sau màn ảnh lúc đó mới biết nó thực sự không chuyển động, những hình ảnh trước mắt chúng ta hoàn toàn giống những cuộn trên màn ảnh. Quý vị thấy cuộn phim này chỉ có hai mươi bốn hình ảnh, Bồ tát Di lạc cho chúng ta biết những hiện tượng trước mắt, trong một giây có bao nhiêu? Có một ngàn sáu trăm triệu. Làm sao quý vị biết được nó là giả? Ai biết nó là giả? Bồ tát Di lạc biết, Phật Thích Ca Mâu Ni biết, không những hai vị đó biết mà trong kinh Đại thừa đã cho chúng ta biết, những vị Bồ tát từ địa vị Bát địa trở lên đều biết. Chúng ta nói những vị Bồ tát từ Bát địa trở lên, Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, năm cấp bậc này đều biết. Họ tận mắt nhìn thấy, các vị đó có khả năng, một giây một ngàn sáu trăm triệu, các vị đó có thể nhìn thấy từng tấm ảnh, họ rất hay. Họ hiểu rất rõ chân tướng sự thật, hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng giả, hiện tượng tự nhiên cũng giả nốt, vì vậy quý vị đó buông bỏ hết thảy, ngay cả tập khí buông bỏ cũng dần dần tiêu mất, lúc đó họ chứng quả vị cuối cùng, Diệu giác. Chứng quả vị Diệu giác thì cõi Thật báo trang nghiêm không thấy nữa. Vì thế cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai, cũng không phải là thật, hiển lộ sau cùng của chân thật, hiển lộ cái gì? Đó là cõi Thường tịch quang, đây chính là tự tánh, đây chính là chân như. Điều này Thiên tông thường nói “mặt mũi trước lúc cha mẹ sanh”, đây mới chính là ta, cuối cùng Phật pháp đã tìm ra được cái ta thực sự. A lại da là cái ngã giả tạo, không phải chân ngã. Vì thế “nhất tâm đã sáng, tất cả vọng liền không”, ví dụ gần nhất đó là trong ngôi nhà tối ngàn năm, khi đốt lên ánh lửa thì bóng tối liền tan biến. “Một xung nam mô Phật đều sẽ thành Phật”. Tất cả các pháp, hết thảy các môn, tướng, đều không sinh không diệt, tất cánh không, đường thể tức không, liễu bất khả đắc. Vì thế kinh Bát nhã tổng kết: “Tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Người bước vào cảnh giới này thì họ sẽ không khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm, họ liền minh tâm kiến tánh. Chúng ta ngày nay không hiểu rõ chân tướng sự thật, sao ta phải buông bỏ? Sao ta phải không

khởi tâm không động niệm? Họ không dám. Thật sự hiểu được rõ ràng minh bạch rồi, mới biết được không khởi tâm không động niệm là đúng đắn, khởi tâm động niệm là sai lầm. Vì sao vậy? Trong tâm thanh tịnh không có sự sai lầm này, sự sai lầm nằm ở thức A lại da, trong tâm thanh tịnh không có, chỉ có trong vọng tâm. Ngày nay chúng ta không dùng vọng tâm, vì vọng tâm kéo theo tội chướng, vọng tâm kéo theo tai nạn, vọng tâm kéo theo tật bệnh, vọng tâm kéo theo vô lượng phiền não, tại sao ta phải dùng nó? Dùng nó sẽ rơi vào luân hồi lục đạo, không dùng nó, ít nhất cũng đến được thế giới Cực lạc. Vì vậy chúng ta phải luôn luôn tự hỏi mình, sao lại phải dùng nó? Sao lại phải ở trong lục đạo luân hồi? Nếu không có sự giác ngộ chân chánh, ta sẽ cùng nó dạo chơi trong sáu đường, sao lại không đến thế giới Cực lạc để dạo chơi? Đến dạo chơi ở cõi Cực lạc sau này có thể trở về tự tánh, nếu ta dạo chơi trong sáu đường thì cuối cùng sẽ đến cảnh giới địa ngục a tỳ, chần chẫn như thế rồi. Quả báo giữa mê và ngộ hoàn toàn khác nhau, không thể không biết. Vũ trụ và con người không có thật, chỉ có pháp Phật mới nói thấu suốt và rõ ràng. Mọi người nên bỏ ác tu thiện, tích chứa công đức, hiểu rõ chân giả, thế giới Cực lạc là chân, mười pháp giới là giả. Được làm người là nhân duyên lớn nhất, nhân duyên gì? Có thể làm việc thiện, có thể làm việc ác, đây là hai thái cực của nhân duyên. Nếu quý vị làm việc thiện thì phước báo quý vị vô lượng vô biên. Nếu quý vị tạo ác thì quả báo cũng vô biên vô lượng, rất đáng sợ. Nếu quý vị thấu suốt thì quý vị mới có một con đường thẳng thàng. Vì sao vậy? Rũ bỏ những cái đáng bỏ, nắm bắt những thứ đáng nắm bắt, quý vị mới rõ ràng minh bạch.

Hôm nay chúng ta đang sống với tâm gì? Nên lấy lý nhất tâm mà sống, ngộ là lý nhất tâm, mê là tâm luân hồi. Lý nhất tâm là chân tâm, là tâm Phật, chí tâm mà đại sư Liên trì nói trong Quán Kinh là lý nhất tâm, cách nói như thế vô cùng chuẩn xác.

“Thấy lửa địa ngục khi sắp mất bèn sinh tín tâm, vì thế cắt đứt tất cả các duyên, chỉ giữ nhất niệm, mỗi niệm đều li niệm, mỗi niệm đều là tâm”. Đây là những điều chúng ta đã nói đoạn trước, nhân duyên như thế thật khó được, khi sắp lâm chung địa ngục hiện ra, người đó kinh hãi, dứt trừ những vọng niệm, chân tâm liền hiện rõ, đó là lúc người đó nhất tâm, tâm niệm lúc đó bèn sanh lên thượng phẩm, những việc như thế rất hiếm, nhưng xét về lý vẫn đúng, không phải nói không được. Nhân duyên như thế rất hiếm gặp. Tội chướng do tạo ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung thấy cảnh địa ngục khiến họ sợ, chầm dứt tất cả vọng niệm của họ. Ý của đại sư Liên trì là ở điểm này, thật là chuẩn xác. Vì vậy tuy địa ngục sắp hiện ra nhưng người đó vẫn tin tưởng, lúc đó thì không còn nghi ngờ nữa, lập tức buông, tức buông bỏ, buông bỏ tất cả, chỉ giữ một niệm, tức là câu A Di Đà Phật, trong câu A Di Đà Phật này, không còn có sự nghi ngờ, không có tạp niệm, không có vọng niệm. Mỗi niệm đều rời niệm, rời cái gì? Rời vọng niệm. Mỗi niệm đều là tâm, chân tâm, là tự tánh. Vì vậy mỗi niệm đều đúng với chân, mỗi niệm đều là Phật. Những người bình thường niệm Phật mà đạt đến trình độ như thế thì thật khó, khó lắm! Lý nhất tâm là tông môn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chúng ta thử nghĩ minh tâm kiến tánh là cõi nào, hình dáng nó ra sao? Đoạn văn này



chính là nó, mô tả thật tỉ mỉ, rõ ràng, nói rất hay! Bình thường muốn đạt đến mức độ như thế thật không dễ dàng. Lúc sắp lâm chung mà gặp cảnh tượng như vậy, đánh bay vọng niệm của người đó. Chúng ta tin rằng đó không phải là một người bình thường, một người bình thường nếu có một nhân duyên như thế, đa phần là được trợ niệm lúc sắp lâm chung mới chứng kiến cảnh tượng đó. Vì sao trợ niệm lúc lâm chung mà không thấy được? Chắc chắn là những đời kiếp trong quá khứ là một người tu pháp môn niệm Phật, có gốc rễ phúc đức lớn lao. Tuy kiếp này không gặp duyên, chưa học Phật, tạo nhiều tội nghiệp, nhưng khi lâm chung gặp được bạn tốt nâng đỡ cho họ, địa ngục sắp hiện ra mà nâng đỡ họ. Giống như Trương Thiện Hoà, Trương Thiện Hoà là một tay đồ tể, suốt đời mổ trâu, bán thịt trâu, khi sắp lâm chung, thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, lúc đó quá khiếp sợ. Những con trâu bị giết đang ở trước mặt, đòi mạng. người đó kêu cứu thật lớn, duyên của người đó quá tốt, gặp ngay một vị sư ngang qua nhà, nghe tiếng kêu cứu trong nhà, sư bèn vào xem, thấy người kia đang kêu cứu, nhìn quanh sư thấy toàn là người đầu trâu, sư bèn châm một bó hương rồi đưa cho anh ta, bảo nhanh niệm Nam mô A Di Đà Phật, người đó lập tức niệm Nam mô A Di Đà Phật, niệm được mấy tiếng A Di Đà Phật, anh nói với sư: Những người đầu trâu biến mất hết cả, Phật A di đà đến dẫn con đi rồi. Quý vị nói anh này chứng được phẩm vị nào? Rõ ràng, không một chút sai lầm, nếu không phải là người có thiện căn phước đức từ đời trước, thì không thể gặp được. Vì thế việc nhất tâm lúc đó của anh ta, khả năng là lý nhất tâm, nếu là lý nhất tâm người đó sẽ được thượng phẩm thượng sanh. Nếu là sự nhất tâm người đó sẽ được trung phẩm thượng sanh, người đó không thể là hạ bói, tức là hạ tam phẩm, chắc chắn không phải. Chúng ta muốn đạt đến trung bói thượng sanh cũng không phải dễ, người đó một lúc mà được ngay. Vì vậy mỗi niệm đều là tâm, mỗi niệm đều ứng hợp chân tâm, mỗi niệm đều là Phật. Mười niệm lúc sắp lâm chung như thế, đã ứng hợp lý nhất tâm, vì vậy mà hết tội, được vãng sanh. Hết tội, được vãng sanh là thành Phật rồi! Người tội diệt, được vãng sanh là những ai? Đó là những người thượng phẩm thượng sanh. Chuyện này là có thật, không phải hư dối, chúng ta phải nắm vững, phải hiểu rõ. Khi hiểu rõ những chuyện như thế, thì chúng ta không còn coi thường bất cứ một ai, có thể khi lâm chung người đó sẽ giống ông Trương Thiện Hoà, họ được vãng sanh thượng phẩm. Khi đến thế giới Cực lạc, cấp bậc chúng ta khác họ nhiều lắm, không những không khinh thường những người làm ác, mà đối với súc vật chúng ta cũng tôn trọng, không dám khinh những loài như côn trùng sâu kiến, có thể sau này khi được làm người, chúng sẽ thành Phật trước chúng ta. Cần tôn trọng! Cần bảo vệ mạng sống, đây gọi là tích chứa công đức, có ích rất lớn với bản thân ta.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 419**